PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM TRƯỜNG HỢP CHỈ CÓ MỘT THỨ HẠNG PHẨM CẤP

ThS Đinh Thị Thu Hiền

Nội dung phân tích này được áp dụng trong những trường hợp sản phẩm của doanh nghiệp sản xuất ra không được phân chia thành các phẩm cấp khác nhau. Nếu phẩm cấp không đủ quy cách phẩm chất thì không được phép tiêu thụ trên thị trường. Sản phẩm sản xuất có đặc điểm này thường thấy ở những doanh nghiệp sản xuất như: đồng hồ đo điện, linh kiện điện tử, dược phẩm,...Như vậy, sản xuất ra sản phẩm hỏng càng nhiều (gồm cả sản phẩm hỏng sửa chữa được) thì chi phí bị mất đi cho các sản phẩm này càng gia tăng, ảnh hưởng đến doanh lợi của doanh nghiệp. Do vậy, phân tích đánh giá tình hình sai hỏng sản phẩm trong sản xuất, tìm ra các nguyên nhân gây ra sai hỏng sản phẩm trong sản xuất và có biện pháp khắc phục kịp thời là hết sức cần thiết đối với doanh nghiệp sản xuất. Bài viết đề cập đến các phương pháp phân tích chất lượng sản xuất sản phẩm thường được áp dụng.

1.Tỷ lệ sai hỏng cá biệt

Là chỉ tiêu tỷ lệ sai hỏng tính riêng cho từng loại sản phẩm. Do vậy, chỉ tiêu này có thể tính bằng thước đo hiện vật hoặc thước đo giá trị.

**Trường hợp tính bằng thước đo hiện vật:**

Trong đó:

ti: tỷ lệ sai hỏng bằng hiện vật của sản phẩm i

: số lượng sản phẩm sai hỏng của sản phẩm i

: Tổng số sản phẩm i sản xuất (gồm số lượng thành phẩm và số lượng sản phẩm sai hỏng)

Số lượng sản phẩm sai hỏng gồm cả sản phẩm sai hỏng không sửa chữa được và sản phẩm sai hỏng sửa chữa được.

Chỉ tiêu này phản ánh cứ 100 sản phẩm sản xuất ra có bao nhiêu sản phẩm sai hỏng. Chỉ tiêu này càng lớn thì tình hình sai hỏng sản phẩm càng cao, phản ánh tình hình sản xuất càng kém và ngược lại. Chỉ tiêu có ưu điểm là tính toán đơn giản và cho thấy rõ số lượng sản phẩm sai hỏng chiếm trong tổng số sản phẩm sản xuất. Nhược điểm của chỉ tiêu là chỉ tính được cho từng loại sản phẩm riêng biệt, không tổng hợp được để đánh giá chung khi doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm khác nhau và không phản ánh được phần chi phí sửa chữa sản phẩm sai hỏng sửa chữa được.

Để khắc phục được nhược điểm của chỉ tiêu tỷ lệ sai hỏng bằng hiện vật, ta dùng tỷ lệ sai hỏng bình quân tính bằng giá trị.

Trường hợp tính bằng thước đo giá trị

ti: tỷ lệ sai hỏng cá biệt của sản phẩm i tính bằng giá trị

: chi phí sản xuất sản phẩm sai hỏng của sản phẩm i

: chi phí sửa chữa sản phẩm sai hỏng của sản phẩm i

: chi phí sai hỏng của sản phẩm i

Zi: giá thành sản xuất của sản phẩm i

Trong đó, chi phí sai hỏng bao gồm: chi phí sản xuất sản phẩm sai hỏng không sửa chữa được và chi phí sửa chữa sản phẩm sai hỏng sửa chữa được. Đây là những chi phí mang tính bất thường. Còn giá thành sản phẩm sản xuất chính là tổng hợp giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm đã hoàn thành trong kỳ, được lấy từ số liệu của bảng tính giá thành từng loại sản phẩm.

*- Sản phẩm sai hỏng không sửa chữa được:* là những sản phẩm có sai sót về mặt kỹ thuật nhưng những sai sót đó không thể sửa chữa được, hoặc có thể sửa chữa được nhưng chi phí sửa chữa lớn hơn chi phí sản xuất sản phẩm mới, không hiệu quả.

*- Sản phẩm sai hỏng sửa chữa được*: là những sản phẩm sai sót về mặt kỹ thuật, nhưng những sai sót đó có thể sửa chữa được đồng thời chi phí sửa chữa phải thấp hơn chi phí chế tạo sản phẩm mới.

Chỉ tiêu tỷ lệ sai hỏng bằng giá trị nói lên phần chi phí bị mất do sản phẩm sai hỏng bằng bao nhiêu phần trăm so với giá thành sản phẩm sản xuất. Chỉ tiêu này càng lớn, phản ánh tình hình quản lý sản xuất sản phẩm càng kém và ngược lại.

Chỉ tiêu tỷ lệ sai hỏng tính bằng giá trị có ưu điểm là có thể tổng hợp cho nhiều loại sản phẩm khác nhau để đánh giá chung tình hình sai hỏng về sản phẩm trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp và không bỏ sót phần chi phí sửa chữa sản phẩm hỏng sửa chữa được. Lúc này ta có chỉ tiêu tổng hợp gọi là tỷ lệ sai hỏng bình quân.

2.Tỷ lệ sai hỏng bình quân

Là chỉ tiêu tính tổng hợp toàn bộ chi phí về sản phẩm hỏng so với tổng giá thành sản xuất của tất cả các loại sản phẩm.

Công thức tính:



Trong đó: =>

Với T: tỷ lệ sai hỏng bình quân

Ζi: tổng giá thành sản xuất của sản phẩm i

 ti: tỷ lệ sai hỏng cá biệt của sản phẩm i

Trong công thức trên nếu đặt ki là tỷ trọng về giá thành sản xuất của sản phẩm i trong tổng giá thành sản phẩm sản xuất:

ta viết lại:

Như vậy, tỷ lệ sai hỏng bình quân là tổng hợp các tỷ lệ sai hỏng cá biệt của từng loại sản phẩm với tỷ trọng về giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm. Vì tổng hợp từ nhiều loại sản phẩm nên nó chứa đựng cả nhân tố kết cấu sản phẩm sản xuất trong kỳ. Nhân tố kết cấu sản phẩm hoàn toàn khách quan, không liên quan đến tình hình sai hỏng trong quá trình sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp, do đó, cần phải loại trừ nhân tố này ra khỏi chỉ tiêu mới phản ánh đúng đắn tình hình sai hỏng sản phẩm trong quá trình sản xuất.

Hay nói cách khác, cấu thành trong chỉ tiêu tỷ lệ sai hỏng bình quân gồm 2 nhân tố: nhân tố kết cấu sản phẩm (tính bằng giá thành sản xuất) và nhân tố tỷ lệ sai hỏng cá biệt của từng loại sản phẩm. Trong đó, nhân tố kết cấu sản phẩm là khách quan, chỉ có nhân tố tỷ lệ sai hỏng cá biệt là chủ quan, phản ánh tình hình sai hỏng sản phẩm trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp.

Để phân tích tình hình sai hỏng sản phẩm trong sản xuất qua chỉ tiêu tỷ lệ sai hỏng bình quân ta tiến hành như sau:

**- Xác định đối tượng phân tích: là số chênh lệch của chỉ tiêu kỳ phân tích so với kỳ gốc**

Nếu chênh lệch về tỷ lệ sai hỏng ở thực tế lớn hơn kế hoạch 🡪 Chất lượng sản xuất sản phẩm giảm sút, tồn tại nhiều sản phẩm có sai hỏng cá biệt lớn

Nếu chênh lệch về tỷ lệ sai hỏng ở thực tế nhỏ hơn kế hoạch 🡪 Chất lượng sản xuất sản phẩm tăng, tồn tại ít sản phẩm có sai hỏng cá biệt lớn.

- Xác định mức độ ảnh hưởng của hai nhân tố trên.

+ Nhân tố kết cấu sản phẩm:

+ Nhân tố tỷ lệ sai hỏng cá biệt:

- Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng phải bằng đúng đối tượng phân tích:

ΔT = ΔTk + ΔTt

 Dựa vào ảnh hưởng của nhân tố tỷ lệ sai hỏng cá biệt để đánh giá tình hình sai hỏng sản phẩm trong kỳ phân tích của doanh nghiệp. Nếu ảnh hưởng của nhân tố này âm (tức là giảm so với kỳ gốc) ta đánh giá tình hình sai hỏng sản phẩm trong sản xuất theo chiều hướng giảm, tức là chất lượng qủan lý sản xuất sản phẩm tốt hơn. Ngược lại, nếu ảnh hưởng của nhân tố này dương (tăng thêm so với kỳ gốc) ta đánh giá tình hình sai hỏng sản phẩm trong sản xuất diễn biến theo chiều hướng tăng, tức là chất lượng qủan lý sản xuất sản phẩm kém đi.

*Ví dụ minh họa:* Có tài liệu về tình hình sản xuất tại một doanh nghiệp sau:(ĐVT: 1000đ)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản phẩm | Năm trước | Năm nay |
| Giá thành sản xuất | Chi phí sai hỏng | Giá thành sản xuất | Chi phí sai hỏng |
| AB | 30.00020.000 | 1.500600 | 21.00039.000 | 1.0921.209 |

Căn cứ tài liệu trên, phân tích tình hình sai hỏng sản phẩm sản xuất.

BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SAI HỎNG SẢN PHẨM SẢN XUẤT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Sản phẩm | Năm trước | Năm nay |
| Tổng giá thành s.x | Tỷ trọng (%) | Chi phí sai hỏng | Tỷ lệ sai hỏng | Tổng giá thành s.x | Tỷ trọng (%) | Chi phí sai hỏng | Tỷ lệ sai hỏng |
| AB | 30.00020.000 | 60%40% | 1.500600 | 5%3% | 21.00039.000 | 35%65% | 1.0921.209 | 5,2%3,1% |
| Cộng | 50.000 | 100% | 2.100 | 4,2% | 60.000 | 100% | 2.301 | 3,835% |

Qua tài liệu phân tích ta thấy: Tỷ lệ sai hỏng bình quân năm nay giảm so với năm trước 0,365% (3,835% -4,2%) làm cho chi phí sai ỏng giảm: 60.000 x (-0,365%) = -219 nghìn đồng. Nếu xem xét tỷ lệ sai hỏng cá biệt từng loại sản phẩm năm nay đều tăng so với năm trước, trong khi đó tỷ lệ sai hỏng bình quân lại giảm. Điều này chứng tỏ tỷ lệ sai hỏng bình quân chưa phản ánh đúng thực chất tình hình chất lượng sản xuất sản phẩm.

Do vậy, để phản ánh đúng đắn tình hình chất lượng sản xuất sản phẩm ta phải phân tích các nhân tố ảnh hưởng sau:

- Ảnh hưởng của kết cấu sản phẩm sản xuất

ΔTk = (35% x 5% ) + (65% x 3%) - 4,2%= 3,7% - 4,2% = - 0,5%

- Ảnh hưởng của tỷ lệ sai hỏng cá biệt:

ΔTt = 3,835% - 3,7% = +0,135%

- Tổng hợp các nhân tố ảnh hưởng

ΔT = ΔTk + ΔTt = -0,5% + 0,135% = -0,365%.

Qua phân tích xác định các nhân tố ảnh hưởng trên ta thấy có đánh giá như sau:

 - Do kết cấu sản phẩm sản xuất thay đổi làm cho tỷ lệ sai hỏng bình quân giảm 0,5%, là do doanh nghiệp tăng tỷ trọng sản xuất sản phẩm B có tỷ lệ sai hỏng thấp và giảm tỷ trọng sản xuất sản phẩm A có tỷ lệ sai hỏng cao, đây là nhân tố khách quan không phản ánh chất lượng sản xuất sản phẩm.

 - Do tỷ lệ sai hỏng cá biệt của từng sản phẩm thay đổi làm cho tỷ lệ sai hỏng bình quân tăng 0,135%, đây là nhân tố chủ quan thể hiện chất lượng sản xuất sản phẩm thực tế năm nay kém hơn năm trước, doanh nghiệp cần tìm hiểu nguyên nhân và có biện pháp khắc phục.

 **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Phạm Văn Dược (2015), *Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh.

2. Lê Đức Toàn (2011), *Giáo trình Quản trị tài chính*, Đại học Duy Tân

4. Nguyễn Năng Phúc (2013), *Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính,* NXB Đại học Kinh tế Quốc Dân.

5. Trương Bá Thanh (2005), *Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp,* Đại học Kinh Tế Đà Nẵng.

6. Nguyễn Ngọc Quang (2013), Phân tích Báo cáo tài chính, NXB Tài chính.

7. Ngô Thế Chi (2009), *Giáo trình phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính